

Bản án số: 104/2026/HS-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

Tại điểm cầu trung tâm, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang:

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng và ông Phạm Hữu Dăm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Huynh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần, P trại tạm giam khu vực T thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh A:

- Ông Phạm Minh S, là Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang.

- Ông Lương Hoàng K, là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 102/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành H, sinh năm 1994, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Oai H1 và bà Trần Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án: chưa; tiền sự: Ngày 27/01/2026, bị Công an xã C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); nhân thân: Ngày 26/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015; bị tạm giữ từ ngày 30/3/2026 đến ngày 08/4/2026 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp P, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ I, ấp B, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trần Chí L, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ G, ấp P, xã P, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ A, ấp C, phường C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trương Văn T, ông Nguyễn Thành B, ông Trần Minh S1 và ông Nguyễn Ngọc T1 (Chuột); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 30/3/2026, Nguyễn Thành H mang theo 01 cây kìm và 01 cây dao, điều khiển xe mô tô biển số 67K1-200.81 đi tìm tài sản lấy trộm. Sợ bị phát hiện, khi đến khu vực đường N, ấp V, xã C, tỉnh An Giang, H cất giấu xe mô tô tại căn trại bỏ hoang. H đi bộ khoảng 100m, thấy xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future F1, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1-368.76 của Nguyễn Văn C đậu trên đường nội đồng, cùng địa chỉ trên, không người trông giữ. H đến dẫn xe mô tô của C đem cất giấu ở bụi chuối cách đó khoảng 70m. Trong lúc tìm cách khởi động, nổ máy xe mô tô của C để chạy đi tìm chỗ bán, nghe Cội tri hô, H bỏ chạy và bị người dân truy đuổi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H đến Công an đầu thú, giao nộp kìm và dao, chỉ nơi cất giấu 02 xe mô tô để Công an thu giữ.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

- Thu giữ tại hiện trường: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future F1, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1-368.76, số máy: JC54E3131255, số khung RLHJC5381EZ084097; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Steed, số loại 110, màu sơn đỏ, biển số 67K1-200.81, số máy: VTTJL1P52FMHM012268, số khung: RRKWCH0UM7XR12268.

- Thu giữ do Nguyễn Thành H giao nộp: 01 cây kìm dài khoảng 16 cm, cán bằng nhựa màu đen cam, mũi kìm bằng kim loại; 01 cây dao dài khoảng 21 cm, có cán bằng nhựa quấn băng keo đen, lưỡi dao bằng kim loại một bề sắc bén, mũi dao tà.

Tất cả vật chứng đều đã qua sử dụng, đã trao trả cho bị hại Nguyễn Văn C xe mô tô biển số 67H1-368.76. Vật chứng còn lại chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 - An Giang theo quy định.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 01/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã C: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future F1, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1-368.76, số máy: JC54E3131255, số khung RLHJC5381EZ084097, đã qua sử dụng, trị giá 12.500.000 đồng.

Ngày 06/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố Nguyễn Thành H để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSKV15 ngày 18 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Chí L cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không đề cập giải quyết. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, giao trả cho ông Nguyễn Hoàng N 01 xe mô tô biển số 67K1-200.81; tịch thu tiêu hủy 01 cây kìm bằng kim loại, 01 cây dao có lưỡi dao bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra,

Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, khoảng 13 giờ ngày 30/3/2026, bị cáo mang theo 01 cây kim và 01 cây dao, điều khiển xe mô tô biển số 67K1-200.81 đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực đường N, bị cáo cất giấu xe mô tô biển số 67K1-200.81 tại căn trại bỏ hoang. Khi đi bộ được khoảng 100m, thấy xe mô tô biển số 67H1-368.76 của ông Nguyễn Văn C đậu trên đường nội đồng, không người trông giữ, bị cáo lén lút trộm xe mô tô biển số 67H1-368.76 cất giấu ở bụi chuối cách đó khoảng 70m. Trong lúc tìm cách khởi động xe mô tô chạy đi tìm chỗ bán thì bị ông C tri hô và bị người dân truy đuổi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đến Công an đầu thú, giao nộp kim, dao và chỉ nơi cất giấu 02 xe mô tô để Công an thu giữ.

Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future F1, màu sơn đỏ đen, biển số 67H1-368.76, số máy: JC54E3131255, số khung RLHJC5381EZ084097, đã qua sử dụng, trị giá 12.500.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông C trị giá 12.500.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhân thân, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Giết người” vào ngày 26/9/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015 và đang có tiền sự do bị Công an xã C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử

dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt). Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm thuê kiếm sống, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Nguyễn Hoàng N cho bị cáo mượn xe mô tô biển số 67K1-200.81 nhưng không biết bị cáo sử dụng xe này vào việc phạm tội. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông N là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho ông Nguyễn Văn C xe mô tô biển số 67H1-368.76 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

Đối với xe mô tô biển số 67K1-200.81, theo lời khai của ông Trần Chí L, ông Huỳnh Văn C1, ông Nguyễn Hoàng N và bị cáo, ông L là người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy đối với xe mô tô biển số 67K1-200.81 và đã bán lại xe mô tô này cho ông C1; ông C1 bán lại xe mô tô biển số 67K1-200.81 cho người lạ, chưa làm thủ tục sang tên. Ông N mua xe mô tô này từ người lạ, cũng chưa làm thủ tục sang tên. Ông N cho bị cáo mượn xe mô tô số 67K1-200.81 để mua đồ cá nhân. Như vậy, ông N là người sử dụng hợp pháp xe mô tô biển số 67K1-200.81 và không có lỗi để bị cáo sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội. Cho nên, giao trả xe mô tô biển số 67K1-200.81 cho ông N theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 cây kìm và 01 cây dao bị thu giữ là phương tiện phạm tội và là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại xe mô tô biển số 67H1-368.76 bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Thành H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 30/3/2026 (ngày ba mươi, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu).

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Giao trả cho ông Nguyễn Hoàng N 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Steed, số loại 110, màu sơn đỏ, biển số 67K1-200.81, loại xe 02 bánh từ 50-175cm²; số máy: VTTJL1P52FMHM012268, số khung: RRKWCH0UM7XR12268.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây kiếm dài khoảng 16 cm, có cán bằng nhựa màu đen cam, mũi kiếm bằng kim loại; 01 (một) cây dao dài khoảng 21 cm, có cán bằng nhựa quấn băng keo đen, lưỡi dao bằng kim loại một bề sắc bén, mũi dao tà.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với P trại tạm giam A (Cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh A).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Trần Chí L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh Văn C1, ông Nguyễn Hoàng N là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 15 – An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân trại tạm giam An Phú
(Cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 1
Công an tỉnh An Giang;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 15 – An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa
vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình